

1.2. Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng tiền Việt Nam theo tỷ giá mua, bán thực tế trong các trường hợp sau đây:

- Mua ngoại tệ bằng tiền Việt Nam: Được quy đổi ngoại tệ ra "Đồng" Việt Nam theo tỷ giá thực tế mua phải trả bằng "Đồng" Việt Nam.

- Bán ngoại tệ thu bằng tiền Việt Nam: Được quy đổi ngoại tệ ra "Đồng" Việt Nam theo tỷ giá thực tế bán thu được bằng "Đồng" Việt Nam. Số chênh lệch giữa tỷ giá bán nêu trên với tỷ giá bình quân ngoại tệ đang hạch toán trên sổ kế toán được hạch toán vào Tài khoản 711 - Thu nhập hoạt động tài chính hoặc Tài khoản 811 - Chi phí hoạt động tài chính.

2. Những ngoại tệ mà Ngân hàng nhà nước Việt Nam không công bố tỷ giá mua, bán thực tế bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng quy đổi ra "Đồng" Việt Nam thì được quy đổi ra "Đồng" Việt Nam theo tỷ giá áp dụng tính thuế xuất khẩu và thuế nhập khẩu của "Đồng" Việt Nam so với một số ngoại tệ do Ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố.

3. Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được phản ánh vào sổ kế toán và báo cáo tài chính bằng đồng tiền Việt Nam theo tỷ giá quy định của chế độ này và theo phương pháp hạch toán được quy định trong chế độ kế toán doanh nghiệp (ban hành kèm theo Quyết định số 1141-TC/QĐ/CĐKT ngày 01/11/1995 của Bộ trưởng Bộ Tài chính). Việc xử lý chênh lệch tỷ giá thực hiện theo quy định trong Thông tư số 44-TC/TCDN ngày 08/07/1997 của Bộ Tài chính.

4. Đối với các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, nếu được Bộ Tài chính chấp thuận cho sử dụng đơn vị tiền tệ nước ngoài để ghi sổ kế toán và lập báo cáo tài chính thì các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng "Đồng" Việt Nam được quy đổi ra đơn vị tiền tệ nước ngoài theo tỷ giá mua, bán thực tế bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố. Trường hợp doanh nghiệp sử dụng đơn vị tiền tệ nước ngoài mà Ngân hàng nhà

nước Việt Nam không công bố tỷ giá mua, bán thực tế bình quân liên ngân hàng quy đổi ra "Đồng" Việt Nam thì được quy đổi từ "Đồng" Việt Nam ra đơn vị tiền tệ nước ngoài theo tỷ giá áp dụng tính thuế xuất khẩu và thuế nhập khẩu của "Đồng" Việt Nam so với một số ngoại tệ do Ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố.

5. Thông tư này áp dụng cho các doanh nghiệp thuộc mọi lĩnh vực, mọi thành phần kinh tế.

6. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày ký, các quy định trước đây trái với hướng dẫn tại Thông tư này đều bãi bỏ.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị các doanh nghiệp phản ánh về Bộ Tài chính để nghiên cứu giải quyết./.

KT. Bộ trưởng Bộ Tài chính
Thủ trưởng

TRẦN VĂN TÁ

THÔNG TƯ số 78/1998/TT-BTC ngày 09/06/1998 quy định về hoạt động kinh doanh tái bảo hiểm.

Thi hành Nghị định số 100/CP ngày 18/12/1993 của Chính phủ về kinh doanh bảo hiểm và Nghị định số 74/CP ngày 14/06/1997 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều quy định tại Nghị định số 100/CP ngày 18/12/1993 của Chính phủ về kinh doanh bảo hiểm; nhằm tăng cường quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh tái bảo hiểm, tăng mức giữ lại tại thị trường bảo hiểm Việt Nam.

Bộ Tài chính quy định hoạt động kinh doanh tái bảo hiểm như sau:

I. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Thông tư này áp dụng đối với Công ty tái bảo

hiểm quốc gia Việt Nam, doanh nghiệp bảo hiểm được phép thành lập và hoạt động hợp pháp tại Việt Nam, nhằm điều chỉnh các hoạt động tái bảo hiểm trên cơ sở hợp đồng nhận tái bảo hiểm và hợp đồng nhượng tái bảo hiểm.

2. Trong Thông tư này, các khái niệm dưới đây được hiểu như sau:

- *Doanh nghiệp bảo hiểm:* Là doanh nghiệp được phép hoạt động kinh doanh bảo hiểm, tái bảo hiểm theo quy định cụ thể tại giấy chứng nhận đủ tiêu chuẩn và điều kiện hoạt động kinh doanh bảo hiểm do Bộ Tài chính cấp.

- *Hoạt động kinh doanh tái bảo hiểm* bao gồm: nhận tái bảo hiểm và nhượng tái bảo hiểm.

- *Nhận tái bảo hiểm:* Là việc doanh nghiệp bảo hiểm, Công ty tái bảo hiểm quốc gia Việt Nam nhận bảo hiểm một phần hay toàn bộ rủi ro của doanh nghiệp bảo hiểm khác hay của tổ chức bảo hiểm ở nước ngoài.

- *Nhượng tái bảo hiểm:* Là việc doanh nghiệp bảo hiểm, Công ty tái bảo hiểm quốc gia Việt Nam chuyển một phần hay toàn bộ rủi ro đã nhận tái bảo hiểm cho doanh nghiệp bảo hiểm khác hay tổ chức bảo hiểm ở nước ngoài.

- *Tái bảo hiểm theo chỉ định:* Là hoạt động tái bảo hiểm của doanh nghiệp bảo hiểm theo sự chỉ định của khách hàng hay người đem lại dịch vụ bảo hiểm cho doanh nghiệp bảo hiểm đó.

3. Nguyên tắc hoạt động kinh doanh tái bảo hiểm:

- Doanh nghiệp bảo hiểm là tổ chức duy nhất chịu trách nhiệm đối với khách hàng tham gia bảo hiểm kể cả trường hợp đã nhượng tái bảo hiểm những rủi ro đã nhận bảo hiểm.

- Doanh nghiệp bảo hiểm, Công ty tái bảo hiểm quốc gia Việt Nam phải ưu tiên thu xếp tái bảo hiểm cho các doanh nghiệp bảo hiểm được phép hoạt động tại Việt Nam trước khi nhượng tái bảo hiểm ra nước ngoài.

II. QUY ĐỊNH CỤ THỂ

1. Quy định về tái bảo hiểm bắt buộc:

a) Trong trường hợp tái bảo hiểm cho các tổ chức bảo hiểm ở nước ngoài, các doanh nghiệp bảo hiểm phải tái bảo hiểm một phần trách nhiệm theo hợp đồng hoặc đơn bảo hiểm gốc cho Công ty tái bảo hiểm quốc gia Việt Nam.

b) Việc thực hiện tái bảo hiểm bắt buộc cụ thể như sau:

Tỷ lệ tái bảo hiểm bắt buộc, tỷ lệ hoa hồng tái bảo hiểm bắt buộc và danh mục nghiệp vụ tái bảo hiểm bắt buộc thực hiện theo bản Phụ lục đính kèm Thông tư này.

Trường hợp đồng bảo hiểm, tỷ lệ tái bảo hiểm bắt buộc được tính trên giá trị bảo hiểm thuộc phần trách nhiệm của doanh nghiệp bảo hiểm trong hợp đồng hoặc đơn bảo hiểm gốc.

c) Công ty tái bảo hiểm quốc gia Việt Nam có trách nhiệm nhận tái bảo hiểm bắt buộc từ doanh nghiệp bảo hiểm với mức tối thiểu theo quy định.

Trong trường hợp chứng minh được rủi ro mà doanh nghiệp bảo hiểm nhận bảo hiểm không phù hợp với tập quán của thị trường bảo hiểm quốc tế về điều khoản, biểu phí... thì Công ty tái bảo hiểm quốc gia Việt Nam có thể từ chối nhận tái bảo hiểm một phần hoặc toàn bộ rủi ro bảo hiểm đó.

d) Trước khi nhượng tái bảo hiểm ra nước ngoài phần trách nhiệm nhận tái bảo hiểm bắt buộc, Công ty tái bảo hiểm quốc gia Việt Nam phải ưu tiên nhượng tái bảo hiểm cho các doanh nghiệp bảo hiểm được phép hoạt động tại Việt Nam tới mức tối đa có thể nhận được và thu xếp nhượng tái bảo hiểm ra nước ngoài theo phương thức hiệu quả nhất. Trong trường hợp cần thiết, Bộ Tài chính sẽ yêu cầu Công ty tái bảo hiểm quốc gia Việt Nam chứng minh việc thực hiện nhượng tái bảo hiểm phần trách nhiệm đã nhận tái bảo hiểm bắt buộc này.

d) Quyền lợi và nghĩa vụ của Công ty tái bảo hiểm quốc gia Việt Nam đối với mỗi rủi ro liên quan tới hợp đồng nhận tái bảo hiểm bắt buộc sẽ bắt đầu và kết thúc cùng với hợp đồng hoặc đơn bảo hiểm gốc của các doanh nghiệp bảo hiểm.

e) Việc thanh toán phí tái bảo hiểm, hoa hồng tái bảo hiểm và bồi thường tái bảo hiểm liên quan đến phân trách nhiệm tái bảo hiểm bắt buộc giữa doanh nghiệp bảo hiểm và Công ty tái bảo hiểm quốc gia Việt Nam được tiến hành hàng quý trên cơ sở bảng thống kê của doanh nghiệp bảo hiểm gốc theo quy định trong hợp đồng tái bảo hiểm.

g) Trường hợp doanh nghiệp bảo hiểm hay Công ty tái bảo hiểm quốc gia Việt Nam không thanh toán theo đúng thời hạn nói trên sẽ phải chịu khoản tiền phạt cho thời gian chậm trả như quy định về việc này của Ngân hàng nhà nước Việt Nam.

h) Doanh nghiệp bảo hiểm và Công ty tái bảo hiểm quốc gia Việt Nam có thể thỏa thuận các quy định khác trong hợp đồng tái bảo hiểm bắt buộc nhưng không được trái với quy định tại Thông tư này.

2. Quy định về tái bảo hiểm ngoài phân bắt buộc:

a) Sau khi thực hiện tái bảo hiểm bắt buộc theo quy định tại Thông tư này, doanh nghiệp bảo hiểm phải ưu tiên tái bảo hiểm cho các doanh nghiệp bảo hiểm được phép hoạt động tại Việt Nam một phần của hợp đồng bảo hiểm, trên cơ sở khả năng tài chính của các doanh nghiệp bảo hiểm đó và lợi ích của hai bên trước khi tái bảo hiểm ra nước ngoài.

b) Trừ khi có sự chấp thuận khác của Bộ Tài chính, trường hợp tái bảo hiểm theo chỉ định, doanh nghiệp bảo hiểm phải tuân thủ các quy định sau:

- Tỷ lệ tái bảo hiểm chỉ định tối đa cho các tổ chức bảo hiểm nước ngoài: 50% giá trị hợp đồng hoặc đơn bảo hiểm gốc (trừ trường hợp Công ty tái bảo hiểm quốc gia Việt Nam từ chối nhận tái bảo hiểm theo quy định tại Khoản c Mục 1 Chương này).

- Tỷ lệ tái bảo hiểm chỉ định tối đa cho một tổ chức bảo hiểm nước ngoài: 40% giá trị hợp đồng hoặc đơn bảo hiểm gốc.

c) Doanh nghiệp bảo hiểm không được nhượng tái bảo hiểm toàn bộ (100%) trách nhiệm đã nhận bảo hiểm trong một dịch vụ bảo hiểm cho một doanh nghiệp bảo hiểm khác hay cho tổ chức bảo hiểm ở nước ngoài (kể cả sau khi đã thực hiện tái bảo hiểm bắt buộc cho Công ty tái bảo hiểm quốc gia Việt Nam) để hưởng hoa hồng tái bảo hiểm.

3. Quy định về nhận tái bảo hiểm:

Bộ Tài chính khuyến khích các doanh nghiệp bảo hiểm nhận tái bảo hiểm từ các doanh nghiệp bảo hiểm khác hay từ các tổ chức bảo hiểm nước ngoài. Khi nhận tái bảo hiểm, doanh nghiệp bảo hiểm phải đánh giá kỹ lưỡng từng rủi ro nhận tái bảo hiểm, khả năng tài chính của mình đối với các rủi ro đó và phải tính đến hiệu quả kinh doanh của hoạt động nhận tái bảo hiểm.

III. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

1. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 07 năm 1998. Các quy định trước đây trái với Thông tư này đều bị bãi bỏ.

2. Doanh nghiệp bảo hiểm, Công ty tái bảo hiểm quốc gia Việt Nam vi phạm các quy định tại Thông tư này sẽ bị xử lý theo quy định tại Khoản 10, Điều 1, Nghị định số 74/CP ngày 14/06/1997 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều quy định tại Nghị định số 100/CP ngày 18/12/1993 của Chính phủ về kinh doanh bảo hiểm.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị doanh nghiệp bảo hiểm, Công ty tái bảo hiểm quốc gia Việt Nam phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để xem xét, sửa đổi bổ sung./.

KT. Bộ trưởng Bộ Tài chính
Thủ trưởng

TRẦN VĂN TÁ

PHỤ LỤC

**QUY ĐỊNH TỶ LỆ TÁI BẢO HIỂM BẮT BUỘC, TỶ LỆ
HOA HỒNG TÁI BẢO HIỂM BẮT BUỘC VÀ DANH MỤC
NGHIỆP VỤ TÁI BẢO HIỂM BẮT BUỘC**

*(ban hành kèm theo Thông tư số 78/1998/TT-BTC ngày 09/06/1998
của Bộ Tài chính).*

1. Tỷ lệ tái bảo hiểm bắt buộc:

Tỷ lệ tái bảo hiểm bắt buộc được quy định bằng 20% giá trị hợp đồng hoặc đơn bảo hiểm gốc.

2. Danh mục nghiệp vụ tái bảo hiểm bắt buộc và tỷ lệ hoa hồng tái bảo hiểm bắt buộc:

a) Đối với hợp đồng tái bảo hiểm cố định:

Nghiệp vụ bảo hiểm áp dụng tái bảo hiểm bắt buộc	Tỷ lệ hoa hồng tái bảo hiểm bắt buộc (%)
- Bảo hiểm vận chuyển đường bộ, đường biển, đường sông, đường sắt và đường không.	22
- Bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự chủ tàu.	22
- Bảo hiểm cháy.	25
- Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại:	
+ Bảo hiểm kỹ thuật (xây dựng, lắp đặt...)	26
+ Bảo hiểm dầu khí	15
+ Các loại bảo hiểm khác phục vụ công trình có vốn đầu tư nước ngoài	24
- Bảo hiểm hàng không	85% tỷ lệ hoa hồng tái bảo hiểm của cùng loại dịch vụ trên thị trường quốc tế.

b) Đối với hợp đồng tái bảo hiểm tạm thời: Tỷ lệ hoa hồng tái bảo hiểm bắt buộc bằng 85% tỷ lệ hoa hồng tái bảo hiểm của cùng loại dịch vụ trên thị trường quốc tế./.

KT. Bộ trưởng Bộ Tài chính
Thủ trưởng

TRẦN VĂN TÁ